

Bản án số 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TUYỀN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Nguyệt

Bà Triệu Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐXX-ST, ngày 12/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chương Thị X, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn E N, xã H, tỉnh T. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn E N, xã H, tỉnh T. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn là chị Chương Thị X trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chương Thị X và anh Đặng Ngọc Đ có tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh H nay là xã H, tỉnh T. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc sau đó khoảng vài năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không có được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Từ năm 2023 đến nay, chị X và anh Đ mỗi người sống một nơi, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị X xin được ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị X và anh Đ chưa có con chung, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh Đ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh Đ đều vắng mặt nên Tòa án đã xác minh việc cư trú và sự vắng mặt của anh Đ được biết: Anh Đ có hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng gia đình ở xã N, huyện H, tỉnh H nay là xã H, tỉnh T. Anh Đ vắng mặt tại địa phương để đi làm thuê một thời gian rồi lại về sinh sống tại địa phương. Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc và anh Đ cũng không có yêu cầu gì gửi đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị X, anh Đ tại gia đình anh Đ và chính quyền địa phương được biết: chị X và anh Đ đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên chị X và anh Đ đã ly thân từ năm 2023 đến nay và chưa có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án và nội dung vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chương Thị X được ly hôn anh Đặng Ngọc Đ. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Chương Thị X khởi kiện yêu cầu tranh chấp về ly hôn với anh Đặng Ngọc Đ. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ đều vắng mặt. Sau khi có quyết định đưa vụ án xét xử, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt cho anh Đ theo quy định. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của nguyên đơn là chị Chương Thị X và các biên bản xác minh thấy rằng: Chị X và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh H nay là xã H, tỉnh T vào năm 2018. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng có chung sống cùng nhau sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Giữa chị X và anh Đ không có sự đồng cảm và sẻ chia với nhau trong cuộc sống. Giữa vợ chồng chị X, anh Đ nay không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không chung sống cùng nhau,

hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.” Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chương Thị X theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị X và anh Đ chưa có con chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Từ giai đoạn thụ lý vụ án, chị Chương Thị X có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí do chị X là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị X được miễn tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chương Thị X. Tuyên xử cho chị Chương Thị X được ly hôn anh Đặng Ngọc Đ.

Về con chung: Chị X và anh Đ chưa có con chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Chương Thị X là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên

quan trọng quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực 6 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã Hồ Thầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt Triệu Thị Liên

Nguyễn Thị Khuyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực 6 - TQ;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã Hồ Thầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Hưởng

Hoàng Thị Nguyệt

Nguyễn Thị Khuyên

